

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214,328,791,457	233,887,947,537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,439,153,705	46,313,892,365
1. Tiền	111	V01	4,439,153,705	17,313,892,365
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	29,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,787,826,908	3,280,175,308
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02	2,874,036,608	3,374,036,608
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-86,209,700	-93,861,300
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104,370,717,462	41,173,101,176
1. Phải thu khách hàng	131		99,711,393,569	34,289,986,904
2. Trả trước cho người bán	132		5,856,374,487	8,567,557,466
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	2,729,214,909	3,109,687,962
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-3,926,265,503	-4,794,131,156
IV. Hàng tồn kho	140		95,970,989,463	131,614,564,175
1. Hàng tồn kho	141	V04	101,695,976,158	138,808,548,923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-5,724,986,695	-7,193,984,748
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,760,103,919	11,506,214,513
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,158,938,684	11,007,738,775
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			62,271,518
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	348,386,235	93,903,220
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		252,779,000	342,301,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133,924,631,256	8,160,435,816
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V07	0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		884,831,256	1,120,635,816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V08	884,831,256	1,120,635,816
- Nguyên giá	222		3,370,969,582	3,345,881,401
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-2,486,138,326	-2,225,245,585
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		133,000,000,000	7,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		125,000,000,000	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	8,000,000,000	7,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		39,800,000	39,800,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		39,800,000	39,800,000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		348,253,422,713	242,048,383,353
NGUỒN VỐN				

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		161,003,608,562	70,546,239,003
I. Nợ ngắn hạn	310		108,900,696,668	70,480,259,125
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	43,747,300,422	0
2. Phải trả người bán	312		35,736,994,774	41,839,062,001
3. Người mua trả tiền trước	313		4,704,054,035	2,385,118,926
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	12,696,286,952	6,677,363,270
5. Phải trả người lao động	315		4,350,355,954	2,552,950,551
6. Chi phí phải trả	316	V17	4,719,243,917	2,563,173,201
7. Phải trả nội bộ	317		735,014,000	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	404,675,583	14,264,802,088
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,806,771,031	197,789,088
II. Nợ dài hạn	330		52,102,911,894	65,979,878
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V20	52,000,000,000	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		102,911,894	65,979,878
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187,249,814,151	171,502,144,350
I. Vốn chủ sở hữu	410		187,249,814,151	171,502,144,350
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-3,357,210,000	-3,401,210,000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,118,859,101	3,921,741,838
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10,595,660,942	8,150,159,024
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5,603,518,211	4,075,079,512
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,288,985,897	8,756,373,976
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V22	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		348,253,422,713	242,048,383,353
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

P. Phòng Kế toán

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

PHÍ THU HIỀN

Vũ Bá Khánh

CÔNG TY: CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
 Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa- Hà Nội
 Tel: .0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
 Quý 2 năm tài chính 2012

Mẫu số: B02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 2/2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2/2012	Quý 2/2011	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	154,757,731,526	140,399,459,551	195,683,885,061	173,979,613,923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		293,893,801	381,076,109	793,992,064	400,827,009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		154,463,837,725	140,018,383,442	194,889,892,997	173,578,786,914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	112,186,317,593	103,295,209,953	146,093,707,267	132,544,565,243
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		42,277,520,132	36,723,173,489	48,796,185,730	41,034,221,671
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	333,681,904	796,845,909	1,296,676,408	2,513,883,982
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5,046,421,599	2,277,966,074	5,566,564,958	2,345,041,150
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,019,865,199	1,946,324,474	4,549,371,958	2,013,380,410
8. Chi phí bán hàng	24		9,344,775,481	7,618,399,356	12,118,384,362	9,508,784,393
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,650,205,895	5,718,965,362	5,321,562,727	7,509,574,683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25)}	30		24,569,799,061	21,904,688,606	27,086,350,091	24,184,705,427
11. Thu nhập khác	31		0	0	-6,572,950	420,374
12. Chi phí khác	32		0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		0	0	-6,572,950	420,374
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		24,569,799,061	21,904,688,606	27,079,777,141	24,185,125,801
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	6,163,296,724	5,489,088,819	6,790,791,244	6,059,198,118
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		18,406,502,337	16,415,599,787	20,288,985,897	18,125,927,683
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		1,227	1,094	1,353	1,208

P. Phòng Kế toán

Hà nội, ngày 16 tháng 07 năm 2012
 Tổng Giám đốc

Phí Thu Hiền

Vũ Bá Khánh

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ 2/2012

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế năm 2012	Lũy kế năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		150,585,867,362	88,796,537,383
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-134,988,182,958	-144,797,545,936
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-8,654,129,263	-7,762,984,732
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-4,549,371,958	-2,013,380,410
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-865,588,161	-2,979,471,756
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,246,141,182	1,946,347,917
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-2,451,187,013	-3,575,839,127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		323,549,191	-70,386,336,661
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-25,088,181	-38,918,182
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-9,500,000,000	-13,000,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000	13,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-125,946,979,000	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,296,676,408	2,570,335,595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-124,175,390,773	2,531,417,413
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		44,000,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		156,436,173,830	80,919,357,669
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-60,688,873,408	-31,638,216,893
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-13,814,197,500	-9,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		81,977,102,922	40,281,140,776
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-41,874,738,660	-27,573,778,472
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46,313,892,365	30,312,488,032
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		4,439,153,705	2,738,709,560

P. Phòng Kế toán

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Phí Thu Hiền

Vũ Bá Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết toán từ ngày 01/04/2012 đến 30/06/2012

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: Mã số doanh nghiệp số 01022222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành bộ trợ sách giao khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học , tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| ▪ Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Công ty thực hiện phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ theo giá trị Nguyên vật liệu, Hàng hóa, Thành phẩm tồn kho tại thời điểm cuối tháng. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ tại 30/06/2012 là 4.285.105.412 VND (Thuyết minh số 8)

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí bảo hiểm tài sản
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh lớn trong điều kiện doanh nghiệp không có lãi.
- Các chi phí hoạt động gắn liền với hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Tiền mặt	900,306,686	251,481,600
Tiền gửi ngân hàng	3,538,847,019	5,463,854,157
Các khoản tương đương tiền	-	
	4,439,153,705	5,715,335,757

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	118,776,400	118,776,400
Đầu tư dài hạn khác	2,755,260,208	2,755,260,208
- Cho Nhà Xuất bản Giáo dục vay	2,755,260,208	2,755,260,208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(86,209,700)	(84,497,900)
	<u>2,787,826,908</u>	<u>2,789,538,708</u>

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trong tổng số các trả trước cho người bán tại ngày 01/01/2012 và 30/06/2012 bao gồm khoản tiền 4.500.000.000 VND đã thanh toán cho người bán từ năm 2007 để mua Bất động sản tại Lô A2- ĐN1 Nguyễn Khánh Toàn- TP Hà Nội, nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên chưa thực hiện ghi nhận là Tài sản cố định.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Phải thu về lãi dự thu	-	-
Phải thu khác	2,729,214,909	3,227,991,739
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội ⁽¹⁾	1,723,950,000	2,040,511,000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK ⁽²⁾	300,000,000	300,000,000
- Phải thu các đối tượng khác	705,264,909	887,480,739
	<u>2,729,214,909</u>	<u>3,227,991,739</u>

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662m2.

- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.

- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng. Tính đến thời điểm 30/06/2011 Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn theo cam kết tại hợp đồng này.

Ngoài ra, Công ty đã chuyển vốn góp bổ sung 125.011.000 VND theo yêu cầu của Dự án để phục vụ các hạng mục: Nạo vét hệ thống thoát nước và Xây lắp cống ga, tiêu nước, sân nền kênh mương thoát nước theo yêu cầu tại Công văn số 1477/NXBGDVN ngày 30/08/2010.

⁽²⁾Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

7 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/03/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	32,942,985,536	54,946,119,849
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,925,557,178	31,319,888,632
Thành phẩm	40,901,590,198	57,086,334,044
Hàng hoá	7,386,854,094	8,706,901,883
Hàng gửi đi bán	1,538,989,152	2,141,162,207
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(5,724,986,695)	(5,724,986,695)
	<u>95,970,989,463</u>	<u>148,475,419,920</u>

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/03/2012</u>
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	4,285,105,412	7,963,562,226
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	917,311,007	978,468,593
Chi phí bản thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	956,522,265	3,889,800,747
	<u>6,158,938,684</u>	<u>12,831,831,566</u>

⁽¹⁾Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị Nguyên vật liệu, thành phẩm, Hàng hóa, Giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm cuối tháng.

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/03/2012</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	348,386,235	281,929,213
Các khoản khác phải thu Nhà nước		6,000,000
	<u>348,386,235</u>	<u>287,929,213</u>

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/03/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	252,779,000	235,831,000
	<u>252,779,000</u>	<u>235,831,000</u>

11 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Công VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2,792,616,753	578,352,829	3,370,969,582
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
- Phân loại lại hạng mục tài sản	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Phân loại lại hạng mục tài sản	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,792,616,753	578,352,829	3,370,969,582
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1,873,010,735	483,245,351	2,356,256,086
Số tăng trong kỳ	103,504,182	26,378,058	129,882,240
- Trích khấu hao	103,504,182	26,378,058	129,882,240
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,976,514,917	509,623,409	2,486,138,326
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	919,606,018	95,107,478	1,014,713,496
Cuối kỳ	816,101,836	68,729,420	884,831,256

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012 VND	31/03/2012 VND
Đầu tư vào công ty con	125,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125,000,000,000	,
Đầu tư dài hạn khác	8,000,000,000	8,000,000,000
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3,000,000,000	3,000,000,000
- Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750,000,000	750,000,000
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	3,000,000,000	3,000,000,000
- Viện Công nghệ Giáo dục	250,000,000	250,000,000
- Công ty CP Tia sáng mới	1,000,000,000	1,000,000,000
	133,000,000,000	8,000,000,000

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	43,747,300,422	66,688,873,408
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội ⁽¹⁾	43,747,300,422	66,688,873,408
	43,747,300,422	66,688,873,408

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ TDTMHM-HEID ngày 09/03/2011 giữa Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 31/03/2012;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh năm 2011;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 09 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp;

⁽²⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ TDTMHM-HEID ngày 01/04/2012 giữa Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 01/04/2013;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh năm 2012;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 09 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp;

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	144,384,924	102,878,745
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12,442,274,591	6,906,472,387
Thuế Thu nhập cá nhân	109,627,437	14,720,622
Các loại thuế khác	-	-
	12,696,286,952	7,024,071,754

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí tăng công in	241,328,358	223,346,085
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, quản lý xuất bản	2,286,844,054	1,206,390,030
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	971,326,679	846,332,716
Trích trước chi phí vận chuyển	1,219,744,826	-
	4,719,243,917	2,276,068,831

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	204,263,882	110,841,287
Bảo hiểm xã hội	157,120,846	43,935,872
Bảo hiểm y tế	30,198,986	8,184,275
Bảo hiểm thất nghiệp	13,091,869	3,659,785
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	-	-
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010	-	-
Phải trả, phải nộp khác	-	636,568,659
	404,675,583	803,189,878

17 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	31/03/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	52,000,000,000	-
- Vay ngân hàng công thương Việt Nam	52,000,000,000	-
	52,000,000,000	-

Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDTM-HEID ngày 20/04/2012, với các điều khoản chi tiết sau

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay cho hạn: Lãi suất thả nổi;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản của bên vay vốn, bao gồm:
 - Toàn nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phố Thành Công, Phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội, giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND.
 - Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
 - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, giá trị 110.000.000.000 VND.
- Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2012 là: 52.000.000.000 VND.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2012 đến 30/06/2012

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2012 VND	Tỷ lệ (%)	31/03/2012 VND
Nhà xuất bản giáo dục VN	35.59%	53,390,000,000	35.59%	53,390,000,000
Các cổ đông khác	64.41%	96,610,000,000	64.41%	96,610,000,000
	100%	150,000,000,000	100%	150,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000	150,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	150,000,000,000	150,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	150,000,000,000	150,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2012 VND	31/03/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	15,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,000,000	15,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15,000,000	15,000,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	453,400	458,400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	453,400	458,400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,546,600	14,541,600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14,546,600	14,541,600
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	154,757,731,526	140,399,166,824
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	120,442,459,838	112,272,700,323
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	72,907,634	-
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	22,204,611,201	19,626,672,413
- <i>Doanh thu lịch blog, vật tư và doanh thu khác</i>	12,037,752,853	8,499,794,088
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu bán hàng nội bộ	-	292,727
	154,757,731,526	140,399,459,551

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	148,319,520	-
Hàng bán bị trả lại	145,574,281	381,076,109
	293,893,801	381,076,109

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	154,463,837,725	140,018,090,715
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	120,278,741,973	111,940,837,650
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	72,907,634	-
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	22,062,772,055	19,602,820,277
- <i>Doanh thu lịch blog, nhượng bán vật tư</i>	12,049,416,063	8,474,432,788
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu bán hàng nội bộ	-	292,727
	154,463,837,725	140,018,383,442

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	112,186,317,593	103,295,209,953
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	88,593,724,670	85,302,802,532
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục</i>	56,517,383	-
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	14,002,120,116	11,021,247,591
- <i>Giá vốn lịch blog, nhượng bán vật tư</i>	9,533,955,424	6,971,159,830
	112,186,317,593	103,295,209,953

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	265,236,404	796,845,909
Cổ tức, lợi nhuận được chia	68,445,500	-
	333,681,904	796,845,909

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	4,019,865,199	1,946,324,474
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1,024,747,800	290,000,000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư	1,711,800	41,641,600
Chi phí tài chính khác	96,800	-
	5,046,421,599	2,277,966,074

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,569,799,061	21,904,688,606
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	83,387,834	51,666,672
- Các khoản điều chỉnh tăng	219,333,334	51,666,672
- Các khoản điều chỉnh giảm	(135,945,500)	-
Tổng thu nhập tính thuế	24,653,186,895	21,956,355,278
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	6,163,296,724	5,489,088,819
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	6,906,472,387	1,158,457,090
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(627,494,520)	(617,498,918)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	12,442,274,591	6,030,046,991

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/04/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18,406,502,337	16,415,599,787
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18,406,502,337	16,415,599,787
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14,542,149	15,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,266	1,094

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2011 đến 30/06/2011 .

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

P. Phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

Phí Thu Hiền

Vũ Bá Khánh



CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :/HEID-CV

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2012

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST
của quý 2/2012 so với quý 2/2011

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã có Báo cáo tài chính quý 2/2012 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của quý 2/2012 có tăng hơn so với quý 2/2011 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

- Ngoài việc kinh doanh các sản phẩm chủ đạo như sách bổ trợ, sách tham khảo ... thì năm 2012, Công ty đã ký kết và thực hiện một số các hợp đồng của các Dự án phát triển Giáo dục ...ngoài ra Công ty có dự trữ một sản lượng giấy ngoài việc phục vụ nhu cầu sản xuất còn đáp ứng được việc kinh doanh có lãi. Do đó Quý 2/2012 có khoản Doanh thu giấy tăng so với quý 2/2011.

Từ những biến động đã nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 2/2012 của Công ty tăng **12.1%** so với lợi nhuận sau thuế quý 2/2011.

Trân trọng báo cáo!

**KT.CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT – TỔNG GIÁO DỤC CÔNG TY**

Nơi nhân:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;

VŨ BÁ KHÁNH